



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 19/03/2026 (Thursday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
1.9	19:48	23:15	↗
3.6	01:20	04:45	↘
0.9	08:00	11:45	↗
3.6	14:16	17:45	↘
1.5	20:19	23:45	↗
3.7	02:07	05:30	↘

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Vinh	HMM MIRACLE	9.4	172	18,812	P/s3 - BNPH	00:00	//0300	A3-TM
2	P.Hải	SITC RIZHAO	8.6	162	13,596	P/s1 - TCHP	00:30	//, ttx	01-12
3	Chương	EVER OCEAN	9.3	195	29,116	P/s3 - CL5	07:00	Luồng PM2	A2-A5
4	N.Minh - M.Hùng	DING XIANG TAI PING	9	185	23,779	P/s3 - CL3	07:30	Luồng PM2	//A1-A6
5	P.Cần	KMTC TOKYO	9.3	173	17,853	P/s3 - BNPH	07:30	Luồng PM2	//A3-AB02
6	A.Tuấn	SKY SUNSHINE	9.1	172	17,853	P/s3 - CL7	12:00	Y/c MP; PM2	//A2-A5
7	Đức	EVER OUTWIT	9.8	195	27,025	P/s3 - CL4-5	12:00	Luồng PM2	A1-A6
8	Đặng	TERATAKI	10.1	186	29,421	P/s3 - CL4	12:30	Y/c MP; PM2	A2-A5
9	Quyền	TD 55	3	53	299	P/s1 - CL2	13:00	//	08
10	N.Cường	MAERSK KEELUNG	10.2	186	32,416	P/s3 - BP7	13:30	Thả neo, tăng cường dây, Luồng PM2	A1-A6
11	Tân	SHENG LI JI	7.7	172	18,219	P/s3 - CL1	13:30	//1630	A3-A5
12	V.Tùng - Đào	UNI PRUDENT	9.2	182	17,887	P/s3 - BNPH	20:00	Luồng PM2	A2-A5
13	Đ.Chiến	STARSHIP MERCURY	9.6	197	27,997	P/s3 - CL4-5	00:00	DL	//
14	Hồng	SEA FALCON	10	182	23,662	P/S - CR	06:00	QTCR	
15	Hồng	SEA FALCON	10	182	23,662	CR - P/S	19:00		
16	N.Hoàng	ZHONG GU BEI HAI	9.1	172	18,490	P/s3 - CL4	00:00	//2300	
17	Nghị	TPC-TK08 + TPC-SL-18	6	190	6,257	H25 - CanGio	19:00		
No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Chính	MANTA 8	3.5	57	399	TCCT - P/s2	08:00		
2	M.Hải	IRENES RAINBOW	9.8	186	30,221	P/s3 - CM2	12:00	Y/c MT	KS-AWA

3	<b>Thịnh - H.Trường</b>	ONE GRUS	11.8	365	146,694	P/s3 - CM3	14:00	MP-3NM-DL	MR-KS-AWA
4	<b>Quyết</b>	IRENES RAINBOW	10.5	186	30,221	CM2 - P/s3	20:00	MT	KS-AWA
No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	<b>N.Tuấn</b>	MILD SYMPHONY	8.7	148	9,929	TCHP - P/s2	00:00	ttx	01-12
2	<b>Đ.Minh</b>	HOLLY	3	57	399	TL CL7 - P/s2	00:00	Luồng PM2	A1
3	<b>V.Hoàng</b>	KKD 5	3	57	398	CL2 - P/s2	00:00	PM2, SR, ttx	08
4	<b>Q.Hung - Duy</b>	TPC-TK-05; TPC-SL-15	2.9	190	6,257	CanGio - H25	03:00		
5	<b>Kiên</b>	TS KWANGYANG	7.5	170	18,910	BNPH - P/s2	03:00	ttx	A2-A6
6	<b>Hà - H.Thanh</b>	NICOLINE MAERSK	9	199	27,733	CL4-5 - P/s3	11:30	Luồng PM2	A1-A6
7	<b>T.Tùng</b>	ARICA BRIDGE	8.8	200	27,094	CL3 - P/s3	10:00	Luồng PM2	A1-A6
8	<b>K.Toàn</b>	HMM MIRACLE	9.2	172	18,812	BNPH - P/s3	10:00		A3-TM
9	<b>V.Dũng</b>	HEUNG A HOCHIMINH	9.8	173	17,791	CL7 - P/s3	12:30		A3-TM
10	<b>V.Hải</b>	ZHONG GU BEI HAI	9.2	172	18,490	CL4 - P/s3	16:00		A1-08
11	<b>Vinh</b>	KMTC LAEM CHABANG	9.6	173	18,318	CL1 - P/s3	16:30		A1-A3
12	<b>Hoàn</b>	TD 55	3.5	53	299	CL2 - P/s2	19:00	Luồng PM2	08
13	<b>P.Thùy</b>	SITC RIZHAO	9.3	162	13,596	TCHP - H25	18:00		01-12
14	<b>Đ.Long</b>	EVER OCEAN	9.5	195	29,116	CL5 - P/s3	21:30	Luồng PM2	A2-A5
15	<b>Khái</b>	SKY SUNSHINE	8.6	172	17,853	CL7 - P/s3	01:00	PM2	A2-A5
16	<b>N.Thanh</b>	KMTC TOKYO	7.9	173	17,853	BNPH - P/s3	22:30	Luồng PM2	A3-AB02
17	<b>Đ.Chiến</b>	WAN HAI 285	10	175	20,924	CL4 - P/s2	03:30	PM2; ttx	A3-A5
18	<b>Uy</b>	VIET THUAN 56	3	107	3,898	CanGio - H25	09:30	ĐX	
19	<b>P.Tuấn</b>	EVER OMNI	10.3	195	27,025	BP7 - P/s3	12:00	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	<b>P.Tuấn</b>	EVER OMNI	10.3	195	27,025	CL5 - BP7	10:30	chờ nước	A2-A5
2	<b>Quân</b>	MAERSK KEELUNG	10.2	186	32,416	BP7 - CL5	23:00		A1-A6